**13. Thêm thể loại**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 13 | | |
| Tên Usecase | Thêm thể loại | | |
| Tác nhân | Admin | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người quản trị hệ thống thêm một thể loại mới vào hệ thống. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người quản trị hệ thống đã đăng nhập vào hệ thống quản trị.  Người quản trị truy cập vào chức năng quản lý thể loại. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Các thể loại hiện có đã được tạo trước đó. | | |
| Điều kiện thành công | Thể loại mới được thêm thành công vào hệ thống.  Thể loại mới hiển thị trong danh sách các thể loại có sẵn. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người quản trị truy cập vào chức năng quản lý thể loại. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị danh sách các thể loại hiện có. |
| 3 | Người quản trị chọn tùy chọn "Thêm thể loại mới". |  |
| 4 |  | Hệ thống hiển thị một biểu mẫu để điền thông tin về thể loại mới, bao gồm tên thể loại và mô tả. |
| 5 | Người quản trị nhập thông tin cho thể loại mới. |  |
| 6 | Người quản trị nhấn nút "Thêm" để lưu thể loại mới vào hệ thống. |  |
| 7 |  | Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và lưu thể loại mới. |
| 8 |  | Hệ thống cập nhật danh sách các thể loại và hiển thị thông báo thành công cho người quản trị. |
| Luồng thay thế | 5.1 |  | Nếu người quản trị không nhập đủ thông tin cho thể loại mới, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người quản trị nhập lại thông tin. |
|  | 6.1 | Nếu người quản trị không nhấn nút "Thêm" | hệ thống không lưu thể loại mới và quay lại trạng thái trước đó. |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu hệ thống gặp lỗi kỹ thuật trong quá trình lưu thể loại mới hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người quản trị thử lại sau. |

**14 Sửa thể loại**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 14 | | |
| Tên Usecase | Sửa thể loại | | |
| Tác nhân | Admin, thành viên | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người quản trị hệ thống sửa đổi thể loại của một đối tượng hoặc mục nhập | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng hoặc quản trị viên yêu cầu sửa đổi thể loại của một đối tượng hoặc mục nhập. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng hoặc quản trị viên đã xác thực và có quyền truy cập để sửa đổi thông tin thể loại.  Đối tượng hoặc mục nhập cần sửa đổi đã tồn tại trong hệ thống | | |
| Điều kiện thành công | Thể loại của đối tượng hoặc mục nhập đã được sửa đổi thành công trong hệ thống. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân yêu cầu sửa đổi thể loại của một đối tượng hoặc mục nhập. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị giao diện để nhập thông tin về thể loại mới. |
| 3 | Tác nhân nhập thông tin về thể loại mới và xác nhận yêu cầu. |  |
| 4 |  | Hệ thống kiểm tra xem thông tin thể loại mới có hợp lệ hay không. |
| 5 |  | Nếu thông tin thể loại mới hợp lệ, hệ thống cập nhật thể loại của đối tượng hoặc mục nhập trong cơ sở dữ liệu. |
| 6 |  | Hệ thống thông báo cho tác nhân rằng thể loại đã được sửa đổi thành công. |
| Luồng thay thế | 4.1 |  | Nếu thông tin thể loại mới không hợp lệ, hệ thống hiển thị một thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân nhập lại thông tin thể loại. |
| Luồng ngoại lệ | 2.1 |  | Nếu đối tượng hoặc mục nhập không tồn tại trong hệ thống, hệ thống hiển thị một thông báo lỗi và không cho phép tác nhân tiếp tục quá trình sửa thể loại. |

**15. Xóa thể loại**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 15 | | |
| Tên Usecase | Xóa thể loại | | |
| Tác nhân | Admin | | |
| Mô tả | Chức năng cho phép người quản trị hệ thống xóa thể loại của một đối tượng hoặc mục nhập | | |
| Điều kiện kích hoạt | Quản trị viên hệ thống muốn xóa một thể loại khỏi hệ thống. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Quản trị viên đã được xác thực và có quyền truy cập vào tính năng xóa thể loại. | | |
| Điều kiện thành công | Thể loại đã được xóa khỏi hệ thống và không còn hiển thị trong danh sách thể loại. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Quản trị viên truy cập vào giao diện quản lý thể loại.  Quản trị viên chọn thể loại cần xóa. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa thể loại và yêu cầu quản trị viên xác nhận hành động. |
| 3 | Quản trị viên xác nhận xóa thể loại. |  |
| 4 |  | Hệ thống kiểm tra xem có tồn tại các thành phần hoặc dữ liệu liên quan đến thể loại đó.  Nếu không có thành phần hoặc dữ liệu liên quan, hệ thống xóa thể loại khỏi hệ thống |
| 5 |  | Nếu có thành phần hoặc dữ liệu liên quan, hệ thống hiển thị cảnh báo cho quản trị viên và yêu cầu xóa các thành phần hoặc dữ liệu liên quan trước khi tiếp tục. |
| 6 |  | Hệ thống cập nhật và lưu trữ thay đổi, sau đó hiển thị thông báo xác nhận xóa thành công. |
| Luồng thay thế | 4.1 | Quản trị viên từ chối xác nhận xóa thể loại | Hệ thống không xóa thể loại quay trở lại trạng thái ban đầu |
| Luồng ngoại lệ | 1.1 |  | Quản trị viên không có quyền truy cập vào tính năng xóa thể loại.  Hệ thống từ chối truy cập và hiển thị thông báo lỗi. |

**16. Tìm kiếm thể loại**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 16 | | |
| Tên Usecase | Tìm kiếm thể loại | | |
| Tác nhân | Người dùng | | |
| Mô tả | Mô tả quá trình tìm kiếm thể loại trong hệ thống. Người dùng có thể tìm kiếm thể loại để xem danh sách các thành phần hoặc dữ liệu liên quan đến thể loại đó. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn tìm kiếm một thể loại trong hệ thống. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã truy cập vào giao diện tìm kiếm thể loại. | | |
| Điều kiện thành công | Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm cho người dùng, bao gồm danh sách các thành phần hoặc dữ liệu liên quan đến thể loại đã tìm kiếm. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào giao diện tìm kiếm thể loại. |  |
| 2 | Người dùng nhập từ khóa tìm kiếm hoặc các tiêu chí tìm kiếm liên quan đến thể loại |  |
| 3 | Người dùng nhấn nút "Tìm kiếm" hoặc tương tự để bắt đầu quá trình tìm kiếm. |  |
| 4 |  | Hệ thống xử lý yêu cầu tìm kiếm và tìm kiếm các thành phần hoặc dữ liệu liên quan đến thể loại theo tiêu chí đã nhập. |
| 5 |  | Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm cho người dùng, bao gồm danh sách các thành phần hoặc dữ liệu liên quan đến thể loại đã tìm kiếm |
|
| Luồng thay thế | 4.1 |  | Không tìm thấy kết quả tìm kiếm.  Hệ thống hiển thị thông báo cho người dùng rằng không tìm thấy kết quả tìm kiếm phù hợp. |
| Luồng ngoại lệ | 1.1 |  | Người dùng không có quyền truy cập vào tính năng tìm kiếm thể loại.  Hệ thống từ chối truy cập và hiển thị thông báo lỗi. |

**17. Gắn cờ nội dung không phù hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 17 | | |
| Tên Usecase | Gắn cờ nội dung không phù hợp | | |
| Tác nhân | Admin | | |
| Mô tả | Tác nhân "admin" có quyền truy cập đặc biệt để xác định và đánh dấu các nội dung vi phạm chính sách, gắn cờ và thực hiện các biện pháp hợp lý để xử lý vấn đề. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Có nội dung trong hệ thống được tác nhân "admin" xác định là không phù hợp hoặc vi phạm chính sách. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Hệ thống phải cho phép tác nhân "admin" truy cập và xử lý nội dung.  Tác nhân "admin" phải có quyền truy cập và quyền sử dụng chức năng gắn cờ nội dung không phù hợp. | | |
| Điều kiện thành công | Nội dung không phù hợp được gắn cờ và được đưa vào quy trình xử lý tương ứng. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân "admin" xác định nội dung không phù hợp trong hệ thống. |  |
| 2 | Tác nhân "admin" chọn tùy chọn gắn cờ nội dung không phù hợp. |  |
| 3 |  | Hệ thống ghi nhận yêu cầu gắn cờ và bắt đầu quy trình xử lý nội dung. |
| 4 | Tác nhân "admin" cung cấp thông tin bổ sung về nội dung không phù hợp |  |
| 5 |  | Hệ thống gắn cờ nội dung không phù hợp và gửi thông báo đến các bên liên quan |
| 6 | Luồng xử lý nội dung không phù hợp tiếp tục theo quy trình xác định |  |
| 7 |  | Hệ thống cập nhật trạng thái của nội dung và thông báo kết quả xử lý cho tác nhân "admin". |
| Luồng thay thế | 1.1 |  | Nếu không có nội dung nào được xác định là không phù hợp, quy trình gắn cờ không được kích hoạt. |
| Luồng ngoại lệ | 3.1 |  | Nếu tác nhân "admin" không có quyền truy cập hoặc quyền sử dụng chức năng gắn cờ nội dung không phù hợp, hệ thống từ chối yêu cầu và thông báo lỗi.  Nếu có lỗi trong quá trình xử lý yêu cầu, hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu tác nhân "admin" thử lại sau.. |

**18. Cập nhật thông tin**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 18 | | |
| Tên Usecase | Cập nhật thông tin | | |
| Tác nhân | Admin, thành viên | | |
| Mô tả | Tác nhân cập nhật thông tin trong hệ thống. Tác nhân có quyền truy cập và quyền sửa đổi thông tin để cập nhật dữ liệu mới, thay đổi thông tin hiện có hoặc xóa thông tin không cần thiết | | |
| Điều kiện kích hoạt | Có thông tin trong hệ thống cần được cập nhật. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Hệ thống phải cho phép tác nhân truy cập và cập nhật thông tin.  Tác nhân phải có quyền truy cập và quyền sử dụng chức năng cập nhật thông tin. | | |
| Điều kiện thành công | Thông tin được cập nhật thành công trong hệ thống. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Tác nhân truy cập vào hệ thống và tìm đến thông tin cần cập nhật. |  |
| 2 | Tác nhân chọn tùy chọn cập nhật thông tin. |  |
| 3 |  | Hệ thống hiển thị giao diện cập nhật thông tin cho tác nhân. |
| 4 | Tác nhân cập nhật thông tin theo yêu cầu |  |
| 5 | Tác nhân lưu lại các thay đổi và gửi yêu cầu cập nhật thông tin |  |
| 6 |  | Hệ thống kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của thông tin cập nhật. |
| 7 |  | Hệ thống cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu và hiển thị thông báo thành công cho tác nhân |
| Luồng thay thế | 1.1 |  | Nếu không có thông tin nào cần cập nhật, quy trình cập nhật thông tin không được kích hoạt. |
| Luồng ngoại lệ | 1.1 |  | Nếu tác nhân không có quyền truy cập hoặc quyền sử dụng chức năng cập nhật thông tin, hệ thống từ chối yêu cầu và thông báo lỗi. |

**19. Đổi mật khẩu tài khoản**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 19 | | |
| Tên Usecase | Đôit mật khẩu tài thoản | | |
| Tác nhân | Admin, Thành viên | | |
| Mô tả | Use case này mô tả quá trình thay đổi mật khẩu cho tài khoản người dùng. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng cần đăng nhập vào tài khoản của mình. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng cần biết mật khẩu hiện tại của tài khoản. | | |
| Điều kiện thành công | Mật khẩu mới được cập nhật thành công và được áp dụng cho tài khoản người dùng. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào giao diện thay đổi mật khẩu. |  |
| 2 |  | Hệ thống hiển thị form nhập thông tin mật khẩu. |
| 3 | Người dùng nhập mật khẩu hiện tại và mật khẩu mới. |  |
| 4 | Người dùng xác nhận thay đổi mật khẩu. |  |
| 5 |  | Hệ thống kiểm tra xem mật khẩu hiện tại có khớp với mật khẩu trong cơ sở dữ liệu không. |
| 6 |  | Nếu mật khẩu hiện tại không khớp, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và quay lại bước 2. |
| 7 |  | Nếu mật khẩu hiện tại khớp, hệ thống cập nhật mật khẩu mới và hiển thị thông báo thành công cho người dùng |
| Luồng thay thế | 1.1 |  | Nếu hệ thống không thể kết nối đến cơ sở dữ liệu, hệ thống hiển thị thông báo lỗi kết nối và không thực hiện thay đổi mật khẩu. |
| Luồng ngoại lệ | 3.1 | Nếu người dùng nhập sai mật khẩu hiện tại quá nhiều lần, hệ thống có thể tạm khóa tài khoản và yêu cầu người dùng liên hệ với bộ phận hỗ trợ để mở khóa.  Nếu người dùng không nhập đủ thông tin trong form, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập đầy đủ thông tin. |  |

**20. Thêm đánh giá sách**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 20 | | |
| Tên Usecase | Thêm đánh giá sách | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Use case này mô tả quá trình người dùng thêm đánh giá cho một cuốn sách trong hệ thống. Đánh giá sách là ý kiến và đánh giá cá nhân về cuốn sách đó. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn thêm đánh giá cho một cuốn sách trong hệ thống. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã truy cập vào trang thông tin chi tiết của cuốn sách và chưa thêm đánh giá cho cuốn sách đó trước đó. | | |
| Điều kiện thành công | Đánh giá của người dùng đã được thêm vào hệ thống và hiển thị trên trang thông tin chi tiết của cuốn sách. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào trang thông tin chi tiết của cuốn sách. |  |
| 2 | Người dùng chọn tùy chọn "Thêm đánh giá" hoặc tương tự trên trang thông tin chi tiết của cuốn sách. |  |
| 3 |  | Hệ thống hiển thị giao diện để người dùng nhập nội dung đánh giá, xếp hạng và các thông tin liên quan khác. |
| 4 | Người dùng nhập nội dung đánh giá và xếp hạng cho cuốn sách. |  |
| 5 | Người dùng nhấn nút "Thêm đánh giá" hoặc tương tự để lưu đánh giá vào hệ thống. |  |
| 6 |  | Hệ thống kiểm tra và xác nhận đánh giá đã được thêm thành công. |
| 7 | Hệ thống cập nhật và lưu trữ đánh giá vào hệ thống và hiển thị nó trên trang thông tin chi tiết của cuốn sách |  |
| Luồng thay thế | 7.1 |  | Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cho người dùng về đánh giá không hợp lệ |
| 5.1 |  | Người dùng cần điền lại thông tin đánh giá hợp lệ và tiếp tục |
| Luồng ngoại lệ | 1.1 | Người dùng không có quyền truy cập vào tính năng thêm đánh giá sách |  |
| 2.1 | Người dùng đã thêm đánh giá cho cuốn sách trước đó |  |

**21. Sửa đánh giá sách**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 21 | | |
| Tên Usecase | Sửa đánh giá sách | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Use case này mô tả quá trình người dùng sửa đánh giá của mình cho một cuốn sách trong hệ thống. Người dùng có thể chỉnh sửa nội dung đánh giá, xếp hạng và các thông tin liên quan khác | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn sửa đánh giá mà họ đã thêm cho một cuốn sách trong hệ thống. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã truy cập vào trang thông tin chi tiết của cuốn sách và đã thêm đánh giá cho cuốn sách đó trước đó. | | |
| Điều kiện thành công | Đánh giá của người dùng đã được sửa đổi và cập nhật thành công trong hệ thống. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào trang thông tin chi tiết của cuốn sách. |  |
| 2 | Người dùng tìm đến đánh giá mà họ muốn sửa đổi trên trang thông tin chi tiết của cuốn sách. |  |
| 3 | Người dùng chọn tùy chọn "Sửa đánh giá" hoặc tương tự cho đánh giá đó. |  |
| 4 |  | Hệ thống hiển thị giao diện cho phép người dùng chỉnh sửa nội dung đánh giá, xếp hạng và các thông tin liên quan khác. |
| 5 | Người dùng chỉnh sửa nội dung đánh giá và xếp hạng. |  |
| 6 | Người dùng nhấn nút "Lưu" hoặc tương tự để cập nhật đánh giá trong hệ thống. |  |
| 7 |  | Hệ thống kiểm tra và xác nhận rằng đánh giá đã được sửa đổi thành công. |
| 8 |  | Hệ thống cập nhật và lưu trữ đánh giá đã sửa đổi trong hệ thống và hiển thị nội dung cập nhật trên trang thông |
| Luồng thay thế | 7.1 |  | Đánh giá không hợp lệ |
| 5.1 |  | Người dùng cần điều chỉnh lại thông tin đánh giá hợp lệ và tiếp tục từ bước 5. |
| Luồng ngoại lệ | 1.1 | Người dùng không có quyền truy cập vào tính năng sửa đánh giá sách |  |
|  | 2.1 | Người dùng chưa thêm đánh giá cho cuốn sách |  |

**21. Xóa đánh giá sách**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 21 | | |
| Tên Usecase | Xóa đánh giá sách | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Use case này mô tả quá trình người dùng xóa đánh giá của mình cho một cuốn sách trong hệ thống. Người dùng có quyền xóa đánh giá đã thêm trước đó. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn xóa đánh giá mà họ đã thêm cho một cuốn sách trong hệ thống. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã truy cập vào trang thông tin chi tiết của cuốn sách và đã thêm đánh giá cho cuốn sách đó trước đó. | | |
| Điều kiện thành công | Đánh giá của người dùng đã được xóa thành công khỏi hệ thống. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng truy cập vào trang thông tin chi tiết của cuốn sách. |  |
| 2 | Người dùng tìm đến đánh giá mà họ muốn xóa trên trang thông tin chi tiết của cuốn sách. |  |
| 3 | Người dùng chọn tùy chọn "Xóa đánh giá" hoặc tương tự cho đánh giá đó. |  |
| 4 |  | Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận yêu cầu người dùng xóa đánh giá. |
| 5 | Người dùng xác nhận yêu cầu xóa đánh giá. |  |
| 6 |  | Hệ thống xóa đánh giá khỏi hệ thống và cập nhật trang thông tin chi tiết của cuốn sách mà không hiển thị đánh giá đã bị xóa. |
| Luồng thay thế | 7.1 |  | Hệ thống hiển thị thông báo lỗi cho người dùng về đánh giá không hợp lệ |
| 5.1 |  | Người dùng cần điền lại thông tin đánh giá hợp lệ và tiếp tục |
| Luồng ngoại lệ | 1.1 | Người dùng không có quyền truy cập vào tính năng thêm đánh giá sách |  |
| 2.1 | Người dùng đã thêm đánh giá cho cuốn sách trước đó |  |

**22 Bỏ theo dõi người dùng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 22 | | |
| Tên Usecase | Bỏ theo dõi người dùng | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Use case này cho phép người dùng bỏ theo dõi một người dùng cụ thể trong hệ thống. Khi được kích hoạt, hệ thống sẽ ngừng theo dõi hoạt động của người dùng đó và không thu thập thông tin liên quan nữa. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.  Người dùng đã cung cấp thông tin định danh của người dùng cần bỏ theo dõi. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Hệ thống phải đã theo dõi người dùng cần bị bỏ theo dõi.  Người dùng có quyền truy cập và quyền bỏ theo dõi người dùng. | | |
| Điều kiện thành công | Hệ thống không còn theo dõi hoạt động của người dùng cụ thể. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng yêu cầu bỏ theo dõi một người dùng cụ thể trong hệ thống. |  |
| 2 | Người dùng yêu cầu bỏ theo dõi một người dùng cụ thể trong hệ thống. |  |
| 3 | Người dùng cung cấp thông tin định danh. |  |
| 4 |  | Hệ thống kiểm tra xem người dùng có quyền bỏ theo dõi không. Nếu không, quá trình kết thúc và hệ thống thông báo lỗi. |
| 5 |  | Hệ thống ngừng theo dõi hoạt động của người dùng cụ thể. |
| 6 |  | Hệ thống thông báo cho người dùng rằng người dùng đã được bỏ theo dõi thành công |
| Luồng thay thế | 4.1 |  | Nếu thông tin định danh không hợp lệ, hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu người dùng cung cấp thông tin định danh hợp lệ. |
| 4.2 |  | Nếu người dùng không có quyền bỏ theo dõi, hệ thống thông báo lỗi và quá trình kết thúc. |
| Luồng ngoại lệ | 1.1 |  | Nếu hệ thống gặp lỗi kỹ thuật hoặc lỗi hệ thống khác, quá trình kết thúc và hệ thống thông báo lỗi cho người dùng. |
|  |  |  |

**23. Theo dõi người dùng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 23 | | |
| Tên Usecase | Theo dõi người dùng | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Theo dõi và thu thập thông tin về hoạt động và hành vi của người dùng khác | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng truy cập vào tài khoản | | |
| Điều kiện tiên quyết | Hệ thống hoạt động bình thường | | |
| Điều kiện thành công | Hệ thống đã ghi lại và lưu trữ thành công dữ liệu thao dõi của người dùng | | |
| uồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng thực hiện hành động trong ứng dụng/hệ thống. |  |
| 2 |  | Hệ thống nhận diện hành động của người dùng và ghi lại thông tin liên quan. |
| 3 |  | Hệ thống lưu trữ dữ liệu theo dõi vào cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống lưu trữ. |
| 4 |  | Hệ thống phản hồi xác nhận thành công cho người dùng rằng dữ liệu đã được ghi lại. |
| Luồng thay thế |  | Người dùng đã đăng nhập trước đó, bỏ qua yêu cầu đăng nhập trước đó, bỏ qua yêu cầu đăng nhập |  |
|  | Nếu thông tin xác thực không hợp lệ, hệ thống từ chối truy cập và yêu cầu người dùng cung cấp thông tin chính xác |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu hệ thống gặp sự cố trong quá trình xác thực thông tin, hệ thống có thể hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau. |
|  |  | Nếu hệ thống không thể ghi lại hoạt động hoặc tương tác của người dùng, hệ thống có thể ghi log lỗi và thông báo cho người quản trị hệ thống để khắc phục sự cố. |

**24. Cập nhật tiến trình đọc sách**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 24 | | |
| Tên Usecase | Cập nhật tiến trình đọc sách | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Use case này cho phép người dùng cập nhật tiến trình đọc sách mà họ đang quan tâm. Người dùng có thể ghi lại số trang hoặc phần trăm đã đọc và lưu trữ thông tin này để theo dõi tiến trình đọc sách của mình. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng muốn cập nhật tiến trình đọc sách mà họ đang đọc. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã chọn sách để đọc. | | |
| Điều kiện thành công | Tiến trình đọc sách được cập nhật thành công và thông tin được lưu trữ. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng mở ứng dụng đọc sách và truy cập vào chức năng cập nhật tiến trình đọc. |  |
| 2 |  | Ứng dụng hiển thị giao diện cho phép người dùng nhập thông tin tiến trình đọc sách, bao gồm số trang hoặc phần trăm đã đọc. |
| 3 | Người dùng nhập thông tin tiến trình đọc sách. |  |
| 4 | Người dùng xác nhận và lưu thông tin. |  |
| 5 |  | Hệ thống lưu trữ thông tin tiến trình đọc sách của người dùng. |
| 6 |  | Ứng dụng hiển thị thông báo thành công và trở về giao diện chính. |
| Luồng thay thế | 2.1 |  | Nếu người dùng không muốn cập nhật tiến trình đọc sách, họ có thể hủy bỏ hoặc thoát khỏi chức năng cập nhật này. |
| Luồng ngoại lệ | 5.1 |  | Nếu hệ thống gặp lỗi khi lưu trữ thông tin tiến trình đọc sách, ứng dụng sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau. |

**25. Nhận thông báo từ người dùng theo dõi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Usecase | 25 | | |
| Tên Usecase | Nhận thông báo từ người dùng theo dõi | | |
| Tác nhân | Thành viên | | |
| Mô tả | Use case này cho phép hệ thống nhận thông báo từ người dùng theo dõi và xử lý các thông báo nhận được. | | |
| Điều kiện kích hoạt | Người dùng gửi thông báo từ chức năng theo dõi trong ứng dụng. | | |
| Điều kiện tiên quyết | Người dùng đã đăng ký và kích hoạt chức năng theo dõi trong ứng dụng. | | |
| Điều kiện thành công | Hệ thống nhận và xử lý thông báo từ người dùng thành công. | | |
| Luồng sự kiện |  | Tác nhân | Hệ thống phản hồi |
| 1 | Người dùng sử dụng chức năng theo dõi trong ứng dụng và gửi thông báo từ chức năng này. |  |
| 2 |  | Hệ thống nhận được thông báo từ người dùng. |
| 3 |  | Hệ thống xử lý thông báo, kiểm tra nội dung và thực hiện các hành động phù hợp. |
| 4 |  | Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận yêu cầu người dùng xóa đánh giá. |
| Luồng thay thế |  |  | Nếu không có thông báo nào được gửi từ người dùng, hệ thống không thực hiện bất kỳ hành động nào và tiếp tục chờ đợi thông báo mới. |
|  |  |  |
| Luồng ngoại lệ |  |  | Nếu hệ thống gặp lỗi khi nhận hoặc xử lý thông báo từ người dùng, nó sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau. |